

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công

2. Ông Đặng Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Thành là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Minh A, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2017, bản tự khai ngày 08/6/2017, biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2017 nguyên đơn anh Lưu Minh A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lưu Minh A và chị Nguyễn Thị L sống chung với nhau từ năm 2014, đến ngày 18/8/2015 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung với nhau đang hạnh phúc thì chị Lợi tự ý bỏ nhà đi từ ngày 07/5/2016 cho đến

nay không về. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh A muốn được ly hôn với chị Lợi.

Về con chung: Anh A, chị L có 01 con chung tên là Lưu Thị Kim T, sinh ngày 13/02/2016 hiện nay đang do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, sinh hoạt của cháu bình thường. Nếu ly hôn anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh A khai vợ chồng không nợ ai.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của chị L.

Quá trình giải quyết vụ án n nguyên đơn anh Lưu Minh A cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 quyển 01/2015 ngày 18/8/2015 (02 bản chính); Giấy khai sinh của con chung Lưu Thị Kim T (Bản sao y); Chứng minh nhân dân của an A (Bản sao y); Sổ hộ khẩu của anh A, chị L (Bản sao y).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Anh A và chị L sống chung với nhau có đăng ký hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung chị L đã tự bỏ nhà đi mà không có lý do, không báo cho chính quyền địa phương biết, cố tình giấu địa chỉ. Nay anh A yêu cầu ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận. Vợ chồng có 01 chung là Lưu Thị Kim T, sinh ngày 13/02/2016 hiện nay đang do anh A trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Do anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng: Anh Lưu Minh A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị L nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L nhưng không giao được trực tiếp nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng này theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập chị L nhiều lần hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh Lưu Minh A và căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 quyển 01/2015 do UBND phường L cấp ngày 18/08/2015 cho anh Lưu Minh A, chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: anh Lưu Minh A và chị Nguyễn Thị L tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2015, tại UBND phường L, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào ngày 07/5/2016 chị L đã bỏ nhà đi và cố tình giấu địa chỉ nên anh A không liên lạc được. Mặt khác căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 24/8/2017 tại UBND xã H đã xác định: Chị L có quen với nhiều người nên anh A ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị L đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2016 cho đến nay không về địa phương. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L không thu thập được lời khai. Như vậy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên cần chấp nhận cho anh A được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[2] Về nuôi con chung: Anh A, chị L có 01 chung tên là Lưu Thị Kim T, sinh ngày 13/02/2016. Cháu T hiện nay do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị L đã bỏ nhà đi. Để ổn định cuộc sống, sinh hoạt của con chung cần giao con chung cháu Lưu Thị Kim T cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con

[3] Về chia tài sản: anh A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh A xác nhận vợ chồng không nợ ai.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lưu Minh A phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Minh A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Anh Lưu Minh A được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 chung tên là Lưu Thị Kim T, sinh ngày 13/02/2016.

Giao con chung cháu Lưu Thị Kim T, sinh ngày 13/02/2016 cho anh Lưu Minh A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Tạm thời chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh A và chị L đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về chia tài sản: Anh A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giat quyết.

4. Về nợ chung: Anh A xác nhận vợ chồng không nợ ai.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Lưu Minh A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005037 ngày 09/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Anh A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cường